

Học kỳ: Học kỳ 1 - Năm học 2018-2019
Term (1831)

Lớp: 0300 (1076)
Class

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	KT1 (10 %)	KT2 (10 %)	KTGK (20 %)	Ghi chú (Note)
1	2171669	Nguyễn My	An	10,0	4,0	10,0	
2	2172787	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	10,0	8,0	6,5	
3	2173222	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	8,0	6,0	7,5	
4	2172997	Nguyễn Thị Bảo	Châu	8,0	6,0	5,0	
5	2171623	Nguyễn Đình Hồng	Diễm	10,0	4,0	8,5	
6	2144560	Nguyễn Phương	Dung	10,0	2,0	8,5	
7	2171061	Nguyễn Doãn Thiện	Duyên	10,0	6,0	8,0	
8	2142809	Đỗ Khang	Huy	10,0	2,0	5,5	
9	2174920	Tôn Thất Minh	Huy	9,0	8,0	4,0	
10	2152919	Lã Nhật Minh	Khang	8,0	4,0	6,0	
11	2132150	Nguyễn Hoàng	Linh	8,0	4,0	8,0	
12	2161121	Phan Ngọc Mỹ	Linh	10,0	6,0	6,5	
13	2150957	Trần Huỳnh Trà	Mi	10,0	2,0	6,5	
14	2162911	Lê Võ Trung	Nam	10,0	2,0	8,5	
15	2161494	Nguyễn Kim	Ngọc	8,0	4,0	8,0	
16	2173036	Nguyễn Như Anh	Nguyệt	10,0	4,0	8,0	
17	2174708	Phạm Thị Cẩm	Nhung	10,0	6,0	8,0	
18	2174693	Nguyễn Hà Kiều	Oanh	10,0	4,0	7,5	
19	2160853	Trần Bửu	Phương	10,0	6,0	8,0	
20	2171445	Võ Hoàng Thúy	Quỳnh	10,0	6,0	7,5	
21	2170612	Chung Tuấn	Sang	9,0	4,0	6,5	
22	2173028	Phùng Kim	Thanh	10,0	4,0	5,5	
23	2172706	Lê Phú	Thành	8,0	6,0	8,5	
24	2170765	Đinh Nguyễn Mai	Thảo	8,0	4,0	8,5	
25	2162199	Phượng Thanh	Thảo	10,0	4,0	4,0	
26	2152084	Nguyễn Trọng	Thắng	10,0	2,0	9,5	
27	2150490	Ngô Thị Minh	Thuy	8,0	2,0	8,5	
28	2170942	Nguyễn Ngọc Thanh	Thùy	Vắng	Vắng	Vắng	
29	2162193	Nguyễn Thanh	Thủy	10,0	4,0	7,5	
30	2144552	Lê Minh	Thư	10,0	2,0	6,5	
31	2171901	Phạm Hoài Bảo	Thy	10,0	6,0	7,0	
32	2170350	Đỗ Thu Thùy	Trâm	10,0	6,0	7,5	
33	2175727	Ngô Xuân	Trâm	10,0	6,0	8,5	
34	2160600	Nguyễn Hoài	Trâm	10,0	2,0	8,0	
35	2151580	Huỳnh Bảo	Trần	9,0	2,0	6,5	
36	2151088	Lý Trần	Trần	0,0	0,0	5,5	
37	2160950	Ứng Ngọc	Trình	8,0	10,0	8,5	
38	2162118	Nguyễn Trần Phương	Uyên	8,0	2,0	7,0	
39	2160932	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vi	8,0	4,0	9,0	
40	2134469	Phan Trương Thúy	Vy	10,0	4,0	6,0	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng